ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II-MÔN TIẾNG VIỆT 4
NĂM HỌC 2025-2026

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG (3 điểm)

GV cho HS bốc thăm các đoạn văn đã chuẩn bị sẵn, HS đọc và trả lời câu hỏi (3đ)

Những điều vô giá

Sau khi đọc xong, người mẹ nhìn cậu con trai đang đứng chờ với vẻ mặt đầy hi vọng. Bà cầm bút lên, lật mặt sau của tờ giấy và viết:

- Chín tháng mười ngày con nằm trong bụng mẹ: Miễn phí.
- Những lúc mẹ bên cạnh chăm sóc, cầu nguyện mỗi khi con ốm đau: Miễn phí
- Tất cả những đồ chơi, thức ăn, quần áo mà mẹ đã nuôi con trong suốt mấy năm qua: Miễn phí.
- Và đắt hơn cả chính là tình yêu của mẹ dành cho con: Cũng miễn phí luôn con trai ạ.

M. A- đam

Câu hỏi:

Câu 1. Sau khi đọc xong, người mẹ làm gì?

Câu 2. Những gì là miễn phí mà mẹ đã cho con trong đoạn văn trên?

****

Những người giữ lửa trên biển

Tàu cập bến, một người thợ vui mừng ra đón. Anh dẫn chúng tôi đi tham quan tháp đèn. Trên đỉnh tháp, ba người thợ đang lau chùi và kiểm tra hệ thống đèn.

Đêm đến, những người thợ thay phiên nhau thức để giữ cho ngọn đèn luôn toả sáng. Nhờ có ánh sáng ngọn hải đăng, tàu thuyền không bị lạc hướng trong đêm tối. Ngọn hải đăng còn khẳng định vùng biển trời này là của Tổ quốc thân yêu. Những gì đã chứng kiến khiến chúng tôi càng thêm yêu mến những người giữ lửa trên biển quê hương.

Theo Đoàn Đại Trí

Câu hỏi:

Câu 1. Ai dẫn mọi người đi thăm tháp đèn?

Câu 2. Đêm đến, những người thợ làm gì?

Người tìm đường lên các vì sao

Từ nhỏ, Xi-ôn-cốp-xki đã mơ ước được bay lên bầu trời. Có lần, ông dại dột nhảy qua cửa sổ để bay theo những cánh chim. Kết quả, ông bị ngã gãy chân. Nhưng rủi ro lại làm nảy ra trong đầu óc non nớt của ông lúc bấy giờ một câu hỏi: "Vì sao quả bóng không có cánh mà vẫn bay được?" Để tìm điều bí mật đó, Xi-ôn-cốp-xki đọc không biết bao nhiêu là sách. Nghĩ ra điều gì, ông lại hì hục làm thí nghiệm, có khi đến hàng trăm lần.

Câu hỏi:

Câu 1: Xi - ôn - côp-xki mơ ước điều gì?

Câu 2: Để tìm điều bí mật Xi-ôn-cốp-xki đã làm gì?

****

Cánh diều tuổi thơ

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn.

Câu hỏi:

Câu 1: Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng làm gì?

Câu 2: Tác giả đã tả cánh diều thế nào?

Anh Hùng lao động Trần Đại Nghĩa

Ông rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài, theo Bác Hồ về nước. Ông được Bác Hồ đặt tên mới là Trần Đại Nghĩa và giao nhiệm vụ nghiên cứu chế tạo vũ khí phục vụ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Trên cương vị Cục trưởng Cục Quân giới, ông đã cùng anh em miệt mài nghiên cứu, chế ra những loại vũ khí có sức công phá lớn như ba-dô-ca, súng không giật, bom bay tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc.

Theo Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam

Câu hỏi:

Câu 1: Trần Đại Nghĩa được bác Hồ giao nhiệm vụ gì ?

Câu 2: Giáo sư Trần Đại nghĩa đã có đóng góp gì lớn trong kháng chiến?

II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT (7 điểm)

HS đọc thầm văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÔ GIÁO VÀ HAI EM NHỎ

Nết sinh ra đã bất hạnh với bàn chân trái thiếu ba ngón. Càng lớn, đôi chân Nết lại càng teo đi và rồi Nết phải bò khi muốn di chuyển.

Khi em Na vào lớp Một, ở nhà một mình Nết buồn lắm, chỉ mong Na chóng tan trường về kể chuyện ở trường cho Nết nghe. Na kể rất nhiều về cô giáo: tà áo dài của cô trắng muốt, miệng cô cười tươi như hoa, cô đi nhẹ nhàng đến bên từng học sinh dạy các bạn viết, vẽ...Nghe Na kể, Nết ước mơ được đi học như Na.

Trong một tiết học vẽ, cô giáo cầm vở vẽ của Na. Na vẽ một cô gái đang cầm đôi đũa nhỏ đứng bên một cô gái. Na giải thich: " Em vẽ một cô tiên đang gõ đôi đũa thần chữa đôi chân cho chị em, để chị em cũng được đi học". Cô giáo ngạc nhiên khi biết chị gái Na bị tật nguyền. Tối hôm ấy, cô đến thăm Nết. Biết Nết ham học, mỗi tuần ba buổi tối, cô dạy Nết học.

Còn một tháng nữa là kết thúc năm học. Mấy hôm nay, cô giáo thường kể cho 35 học trò của mình về một bạn nhỏ. Đôi chân bạn ấy không may bị tê liệt nên bạn phải ngồi xe lăn nhưng bạn vẫn quyết tâm học. Có lúc đau tê cứng cả lưng nhưng bạn vẫn cố viết và viết rất đẹp. Năm học sau, bạn ấy sẽ vào học cùng các em. Nghe cô kể, mắt Na sáng lên, Na vui và tự hào về chị mình lắm.

Bố mẹ Nết rơm rớm nước mắt khi biết nhà trường sẽ đặc cách cho Nết vào học lớp Hai. Còn Nết, cô bé đang hình dung cách cô giáo cùng các bạn nhỏ xúm xít đẩy chiếc xe lăn.

Theo Tâm huyết nhà giáo

B. Dựa vào nội dung bài đọc, khoanh vào chữ cái trước ý đúng các câu 1, 2, 3, 4, 7, 9 và viết vào chỗ.....để hoàn thành các câu 5, 6, 8, 10.

Câu 1. (M1- 0,5điểm) Nết là một cô bé như thế nào?

A. Thích chơi hơn thích học;
B. Có hoàn cảnh bất hạnh nhưng rất ham học
C. Hay ganh tị với em gái.
D. Không thích đến trường.

Câu 2. (M1 – 0,5 điểm) Trong câu chuyện của Na, cô giáo hiện lên như thế nào?

A. Cô mặc áo dài trắng, cười tươi và dạy học sinh rất nhẹ nhàng.
B. Cô nghiêm khắc và ít nói.
C. Cô không quan tâm đến học sinh.
D. Cô chỉ dạy học sinh giỏi.

Câu 3. (M1 – 0,5 điểm) Na đã vẽ gì trong giờ học vẽ?

A. Một ngôi trường mới trong đó có các bạn và Na.
B. Một cánh đồng vàng hoe thân lúa chín.
C. Một cô tiên gõ đôi đũa thần chữa đôi chân cho chị.
D. Một con bướm đang bay về phía em.

Câu 4. (M1- 0,5điểm) Cô giáo đã làm gì để giúp Nết?

A. Mua cho bạn một chiếc xe lăn.
B. Cho Nết sách vở để đến lớp cùng bạn.

C. Đến nhà dạy học, kể cho học trò nghe về Nết, xin cho Nết vào học lớp Hai.

D. Nhờ học sinh trong lớp kèm cặp cho Nết việc học ở nhà cũng như ở trường.

Câu 5 – M3 (1 điểm) Em học được điều gì từ bạn Nết qua câu chuyện trên ?

……

……

……

Câu 6 – M3 (1 đ) Nếu em là bạn học cùng lớp với Nết, em sẽ làm gì để giúp đỡ bạn?

……

……

……

Câu 7 – M2 (0,5điểm) Nhóm từ nào dưới đây chỉ gồm những từ miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên?

A. đằm thắm, lộng lẫy, dịu dàng; B. tươi đẹp, hùng vĩ, sặc sỡ;

C. xanh tốt, xinh tươi, thùy mị; D. hùng vĩ, dịu dàng, lung linh.

Câu 8. (M2 - 1điểm) Xác định chủ ngữ và vị ngữ trong câu sau:

“ Năm học sau, bạn ấy sẽ vào học cùng các em.”

- Chủ ngữ: ……
- Vị ngữ: ……

Câu 9. (M3 - 1đ) Hãy dùng dấu gạch ngang để liệt kê những việc em làm giúp bảo vệ môi trường.

……

……

……

Câu 10. (M2- 0,5 điểm) Gạch chân câu chủ đề có trong đoạn văn sau:

Mặt trời đỏ rực nhô lên từ phía chân trời. Những con sóng vỗ nhẹ vào bờ cát trắng. Gió biển thổi mát rượi làm ai cũng thấy dễ chịu. Biển vào buổi sáng thật đẹp.

****

PHẦN KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

Đề bài: Hãy miêu tả một loài cây mà em yêu thích.

****

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN TIẾNG VIỆT (PHẦN KIỂM TRA ĐỌC)
KHỐI 4 – NĂM HỌC: 2025-2026

I. KIỂM TRA ĐỌC THÀNH TIẾNG: 3 điểm

Giáo viên đánh giá, ghi điểm dựa vào các yêu cầu sau:

- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng, tốc độ đọc đạt yêu cầu, giọng đọc có biểu cảm: 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa, đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng): 1 điểm
- Học sinh trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. KIỂM TRA ĐỌC HIỂU (7 điểm)

Câu số	1	2	3	4	7
Đáp án	B	A	C	C	B
Điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm

Câu 5. (1 điểm) Tùy vào mức độ, cách diễn đạt của HS mà GV ghi điểm cho HS theo các mức điểm phù hợp. HS có thể trả lời như sau:

Trong cuộc sống mỗi người có một hoàn cảnh khác nhau, ai cũng muốn mình được hạnh phúc, không ai muốn gặp điều bất hạnh (0,5 điểm). Vì vậy, chúng ta cần phải biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau để cuộc sống tươi đẹp hơn . (0,5 điểm)

Câu 6. (1 điểm) Tùy vào mức độ, cách diễn đạt của HS mà GV ghi điểm cho HS theo các mức 1 – 0,75 – 0,5 – 0,25 – 0 điểm phù hợp.

VD: Em sẽ giúp bạn học bài, đẩy xe lăn cho bạn, chơi cùng bạn, động viên bạn.

Câu 8. (1 điểm) HS chỉ ra đúng chủ ngữ được 0,5 điểm; đúng vị ngữ được 0,5 điểm.

- *Chủ ngữ: Bạn ấy*
- *Vị ngữ: sẽ vào học cùng các em.*

Câu 9. (1 điểm) Những việc em làm để bảo vệ môi trường là:

- Không vứt rác bừa bãi, luôn bỏ rác đúng nơi quy định.
- Trồng và chăm sóc cây xanh quanh nhà và ở trường.
- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt hằng ngày.
- Thu gom giấy vụn, chai nhựa để tái chế.
- Hạn chế sử dụng túi ni-lông khi đi mua đồ.
- Nhắc nhở bạn bè và mọi người cùng giữ gìn vệ sinh môi trường.
- Tham gia các buổi dọn vệ sinh ở lớp, ở trường và khu phố.
- Tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường.

Câu 10. (0,5 điểm): Biển vào buổi sáng thật đẹp.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA KÌ II
MÔN TIẾNG VIỆT (PHẦN KIỂM TRA VIẾT)
KHỐI 4 – NĂM HỌC: 2025-2026

Hướng dẫn chấm kiểm tra viết đoạn, bài (10 điểm)
- Học sinh viết được bài văn tả cây cối đúng yêu cầu đề; đảm bảo bố cục một bài văn miêu tả mở bài - thân bài - kết bài. Khả năng lập luận văn bản (lập ý, sắp xếp ý, dùng từ, đặt câu, liên kết câu, suy nghĩ, cảm xúc, thái độ, sáng tạo khi viết văn).

Cụ thể như sau:

1. Mở bài: (1 đ) Giới thiệu cây em sẽ tả. (Cây em định tả là cây gì? Ai trồng? Trồng khi nào ? Trồng ở đâu ?)

2. Thân bài: (4 đ)

+ Tả bao quát: Hình dáng, kích thước của cây
+ Tả chi tiết: Tả các bộ phận của cây
- Thân cây
- Gốc cây
- Rễ cây
- Cành cây, tán lá, lá, quả (nếu cây có quả)
- Tác dụng/lợi ích của cây
- Hoạt động hoặc kỉ niệm của em với cây đó
- Cảm xúc khi miêu tả

3. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em với cây. (1 đ)

4. Kĩ năng: 4 điểm

4.1. Chữ viết, chính tả:

- Chữ viết rõ ràng, trình bày sạch sẽ, đúng chính tả (không sai quá 5 lỗi): **2đ**

4.2. Dùng từ, đặt câu:

- Dùng từ hợp lý, câu văn mạch lạc: **1đ**

4.3. Sáng tạo:

- Bài văn thể hiện được sự sáng tạo của học sinh: **1đ**

** Tùy theo mức độ sai sót về chữ viết, chính tả, dùng từ, đặt câu, sự sáng tạo của HS, GV cho phù hợp.(Điểm lẻ đến 0.25đ)*

Tổ trưởng ký duyệt **Người ra đề**

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ 2-MÔN TIẾNG VIỆT 4
NĂM HỌC 2025-2026

Kĩ năng	Mạch kiến thức/ Nội dung	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Tổng số câu, số điểm	
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Đọc	1. Đọc thành tiếng	- Đọc tốc độ 80 tiếng/phút. (Học sinh bốc thăm đọc đoạn văn hoặc đoạn thơ ngoài sách giáo khoa). - Sau khi học sinh đọc thành tiếng xong, GV nêu 01 câu hỏi học sinh trả lời (Kiểm tra kĩ năng nghe, nói)								3 điểm
	2. Đọc hiểu văn bản (Ngữ liệu văn bản miêu tả độ dài 220 chữ hoặc văn bản truyện độ dài văn bản 300 chữ.) Trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung bài đọc và rút ra điều học được qua bài đọc vào thực tế.	Số câu	4			1		1	**4**	**2**
		Số điểm	2			1		1	**2**	**2**
	3. Kiến thức tiếng Việt: - Thành phần chính của câu: Chủ ngữ, vị ngữ - Câu chủ đề - Dấu gạch ngang - MRVT: Quê hương	Số câu	2		1			1	**3**	**1**
		Số điểm	1		1			1	**2**	**1**
Tổng		Số câu	6	0	1	1	0	2	7	3
		Số điểm	3	0	1	1	0	2	4	3
Viết	Viết bài văn theo chủ đề miêu tả cây cối	Số câu						1	**0**	**1**

		Số điểm						10	**0**	10